

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 790/2022/HC-PT
Ngày 22 - 9 - 2022
V/v Khiếu kiện Quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Văn Kết

Các Thẩm phán: Ông Phạm Công Mười
Ông Lê Thành Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Diệu Thúy- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại
Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Út – Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 145/2021/TLPT-HC ngày 22 tháng 02 năm 2021 về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2020/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2436/2021/QĐPT-HC ngày 02 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trần Văn Ph, sinh năm 1956; Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện T1, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Văn Ch, sinh năm 1960; Nơi cư trú: Ấp C, xã Nh, huyện C1, TP. Hồ Chí Minh (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 13/7/2020, có mặt).

- Người bị kiện:

1/. Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

2/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn T, chức vụ: Chủ tịch (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh và UBND tỉnh Tây Ninh:

- + Ông Trần Văn Q – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).
- + Ông Lương Nguyễn Đăng D – Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).
- + Ông Nguyễn Bảo Ch – Trưởng phòng đăng ký và cấp giấy chứng nhận thuộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh (có mặt).
- + Ông Nguyễn Hữu Th – Viên chức Trung tâm phát triển quỹ đất Tây Ninh (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

3/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Tây Ninh

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ph – Phó Chủ tịch (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Tây Ninh:

+ Ông Trần Văn C, chức vụ: Trưởng Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện T1, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

+ Ông Nguyễn Tuấn S, chức vụ: Phó Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện T1, tỉnh Tây Ninh (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

4/. Ban Quản lý Khu rừng phòng hộ D.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Chí Tr, chức vụ: Giám đốc (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Ngô Ngọc Đ, sinh năm 1956; Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện T1, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện là ông Trần Văn Ph và người đại diện theo ủy quyền cho ông Ph thống nhất trình bày:

Năm 1984, ông Ph khai phá, sử dụng phần đất diện tích 1,6ha, thời điểm khai phá không có rừng chỉ có gốc le và gò mối. Từ ngày khai phá và sử dụng trồng cây cao su không bị Cơ quan nhà nước thông báo hay nhắc nhở đây là đất lâm nghiệp, cũng như ông Ph cũng không bị lập biên bản vi phạm lấn chiếm. Trước đây ông Ph chỉ ký hợp đồng trồng rừng với Ban quản lý rừng phòng hộ D diện tích 3,2ha, diện tích này ông Ph sử dụng và xây nhà đã được cấp giấy chứng nhận một phần đất, trong tổng số 1,6ha. Phần đất ông Ph sử dụng thuộc rừng sản xuất, không nằm trong quy hoạch thuộc Khu rừng phòng hộ D.

Tuy nhiên, ngày 31/05/2018, UBND xã T2, huyện T1 lập Biên bản số: 14/BB-VPHC đối với ông Ph về hành vi lấn chiếm 1,6 ha đất tại lô 63, khoản 1, tiểu khu 61.

Ngày 12/10/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 4150/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với gia đình ông Ph, buộc trả lại đất đã lấn chiếm cho Ban quản lý khu rừng phòng hộ D, thời hạn trả đất là 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định này.

Không đồng ý với nội dung Quyết định số: 4150/QĐ-KPHQ nên ông Ph đã khiếu nại. Ngày 26/12/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 ban hành Quyết định số 5465/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Ph là không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại. Ông Ph không đồng ý kết quả giải quyết khiếu nại lần thứ nhất của Chủ tịch UBND huyện T1 nên đã tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh. Ngày 03/7/2019 Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 1420/QĐ-UBND là không đồng ý khiếu nại của ông Ph.

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Tây Ninh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh không chấp nhận khiếu nại của ông Ph là không đúng, do đó ông Ph yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 4150/QĐ-KPHQ ngày 12/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện T1, tỉnh Tây Ninh; hủy Quyết định số 5465/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện T1, tỉnh Tây Ninh; hủy Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh; hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phôi BM 189091 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp cho Ban quản lý Khu rừng phòng hộ D đứng tên; đồng thời công nhận diện tích đất 1,6ha thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Ph.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND huyện T1 trình bày:

Chủ tịch UBND huyện T1 đã cung cấp Công văn số 149/UBND-TD ngày 20/01/2020 ghi ý kiến của mình đã nộp cho Tòa án. Người bị kiện giữ nguyên quan điểm theo Quyết định hành chính số 5465/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện T1, tỉnh Tây Ninh, giữ nguyên Quyết định số 4150/QĐ-KPHQ ngày 12/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện T1, tỉnh Tây Ninh; không đồng ý hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phôi BM 189091 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp cho Ban quản lý Khu rừng phòng hộ D; không công nhận diện tích đất 1,6ha thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Ph.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh trình bày: Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh đã cung cấp Công văn số 127/UBND-TD ngày 22/01/2019 ghi ý kiến của mình đã nộp cho Tòa án. Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh giữ nguyên Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông Trần Văn Ph; không đồng ý hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phôi BM 189091 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp cho Ban quản lý Khu rừng phòng hộ D; không công nhận diện tích đất 1,6ha thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Ph.

Người đại diện theo ủy quyền của Ban quản lý Khu rừng phòng hộ D trình bày tại Công văn số 54/KRDT ngày 16/01/2020:

Ban quản lý Khu rừng phòng hộ D giữ nguyên quan điểm theo Quyết định hành chính số 5465/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện T1,

tỉnh Tây Ninh và giữ nguyên quyết định số 4150/QĐ-KPHQ ngày 12/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện T1, tỉnh Tây Ninh; không đồng ý hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phôi BM 189091 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp cho Ban quản lý Khu rừng phòng hộ D đứng tên; không công nhận diện tích đất 1,6 ha thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Ph. Phần đất ông Ph sử dụng không thuộc rừng sản xuất mà nằm trong diện tích thuộc Khu rừng phòng hộ D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Ngọc Đ thống nhất như yêu cầu của người khởi kiện.

Tại Bản án số 19/2020/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 99, Điều 136 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 54, khoản 2 Điều 63 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là ông Trần Văn Ph về việc yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 4150/QĐ-KPHQ ngày 12/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện T1, tỉnh Tây Ninh; hủy Quyết định số 5465/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện T1, tỉnh Tây Ninh; hủy Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh; hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phôi BM 189091 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp cho Ban quản lý Khu rừng phòng hộ D đứng tên; yêu cầu công nhận diện tích đất 1,6 ha thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Ph.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm, quyền kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn Ph giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

- Đại diện ủy quyền của người bị kiện cung cấp các quyết định bổ sung của Chủ tịch UBND huyện T1 và UBND tỉnh Tây Ninh, được sửa đổi bổ sung sau khi xét xử sơ thẩm, gồm: Quyết định số 1563/QĐ-SĐBSHB ngày 29/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện T1 sửa đổi, bổ sung một phần Quyết định 4150/QĐ-KPHQ ngày 12/10/2018 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Văn Ph; Quyết định số 2362/QĐ-SĐBSCCXP ngày 20/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc sửa đổi, bổ sung một phần Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Văn Ph; Quyết định số 2367/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc bổ sung nội dung Quyết định giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Văn Ph (lần đầu); Quyết định 1454/QĐ-UBND ngày 08/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh về việc bổ sung nội dung Quyết định giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Văn Ph (lần 2); Quyết định số 3060/QĐ-SĐBSHB ngày 12/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc sửa đổi một phần Quyết định về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Văn Ph (lần 2); Quyết định số 3065/QĐ-SĐBSCCXP ngày 12/8/2022 sửa đổi một phần Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc

phục hậu quả đối với ông Trần Văn Ph (lần 2).

- *Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:* Việc Chủ tịch UBND huyện T1 và Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh ban hành các Quyết định mới có nội dung thay đổi, bổ sung các quyết định đã ban hành là đúng pháp luật. Tại phiên tòa, ông Ph không đồng ý với các quyết định này, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng thời yêu cầu hủy các quyết định trên của người bị kiện. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm tiếp tục giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, ông Ph không có chứng cứ chứng minh quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích 1,6ha nêu trên nên Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ph là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Ph cũng không cung cấp được chứng cứ mới. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của ông Ph, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe quan điểm của của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, đại diện hợp pháp của người bị kiện có cung cấp thêm các quyết định hành chính mới của người bị kiện có nội dung sửa đổi quyết định hành chính bị khiếu kiện, thấy rằng: Các quyết định hành chính mới do người bị kiện cung cấp tại phiên tòa chỉ có nội dung sửa đổi quyết định đã ban hành trước đó không làm phát sinh nội dung mới, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Ph, cũng không liên quan đến quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác mà họ chưa được tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm; Đồng thời ông Ph không đồng ý rút đơn khởi kiện, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc hủy các quyết định đã khởi kiện và đề nghị hủy các quyết định mới do người bị kiện ban hành nên không thuộc trường hợp phải hủy bản án để xét xử sơ thẩm lại theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 235 Luật Tổ tụng hành chính.

Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính tiếp tục xem xét yêu cầu khởi kiện của ông Ph và tính hợp pháp của các quyết định mới ban hành nêu trên.

Đối với những người vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt; do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 225 của Luật Tổ tụng hành chính.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về nguồn gốc phần đất và quá trình quản lý sử dụng, thấy rằng:

Người khởi kiện ông Trần Văn Ph cho rằng phần đất diện tích 1,6ha là ông khai phá từ năm 1984, thời điểm khai phá không có rừng chỉ có gốc le và gò mối. Từ ngày khai phá và sử dụng trồng cây cao su. Trước đây ông chỉ ký hợp đồng trồng rừng với Ban quản lý rừng phòng hộ D diện tích 3,2ha, diện tích này ông Ph sử dụng và xây nhà đã được cấp giấy chứng nhận một phần đất, trong tổng số 1,6

ha. Phần đất ông Ph sử dụng thuộc rừng sản xuất, không nằm trong quy hoạch thuộc Khu rừng phòng hộ D.

Tuy nhiên, hồ sơ thể hiện: Phần đất ông Ph khiếu nại có nguồn gốc là đất lâm nghiệp do Nhà nước quản lý từ năm 1979, là từ khi xây dựng hồ D đến năm 1985 đưa vào khai thác, sử dụng hồ D. Năm 2013, UBND tỉnh cấp GCNQSDĐ với diện tích 326.998.045,1m² (32.699,8 ha) cho BQL Khu rừng phòng hộ D, trong đó có 1,6ha mà ông Ph đang khiếu nại.

Như vậy, 1,6ha đất do ông Ph đang sử dụng được Nhà nước quản lý xuyên suốt cho đến nay. Trong quá trình quản lý, các BQL rừng quản lý không chặt chẽ, nên còn có một số hộ dân sử dụng trồng cây không đúng mục đích đất rừng, trong đó có hộ ông Ph.

[2.2]. Về việc kiểm tra, xử lý vi phạm:

Thực hiện Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh về ban hành kế hoạch xử lý vi phạm trồng cây nông nghiệp trái quy định trên đất quy hoạch lâm nghiệp tại Khu rừng Văn hóa - Lịch sử CR và Khu rừng phòng hộ D. Ban quản lý khu rừng phòng hộ D đã phối hợp UBND xã T và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra hiện trạng đất lâm nghiệp và vận động các hộ dân chuyển đổi cây trồng trái quy định trên đất lâm nghiệp, chuyển sang trồng rừng, bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh theo quy định.

Tại Biên bản của BQL Khu rừng phòng hộ D cùng với các có quan chức năng huyện T1 lập vào ngày 28/3/2018 về “vận động cam kết thực hiện chuyển đổi cây trồng (hoặc thu hồi diện tích) trái quy định trên đất lâm nghiệp, chuyển sang trồng rừng, bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh theo quy hoạch”, ông Trần Văn Ph cam kết kể từ ngày 28/3/2018 đến hết ngày 15/4/2018 ông Ph sẽ chủ động thu hoạch cây trồng ra khỏi đất lâm nghiệp, đồng thời thực hiện trồng rừng phòng hộ (BL57).

Tại Biên bản xác minh của BQL Khu rừng phòng hộ D cùng với các có quan chức năng huyện T1 lập vào ngày 15/11/2018 (BL48), thể hiện: *“Năm 1991 có chủ trương trồng rừng phủ xanh đất trống nhưng tôi chỉ trồng mì (ông Ninh Văn B triển khai trồng cây có tán từ cây nhãn trở lên) chủ trương không quyết liệt, chỉ nói chung chung nên người dân không trồng rừng. Từ năm 2001-2002 mới triển khai ráo riết trồng rừng. Tôi đã thực hiện trồng rừng 3,2 ha (vành đai 200m nước) có hợp đồng trồng rừng. Tôi đã thực hiện trồng rừng diện tích 3,2 ha, hiện còn lại 1,6 ha trồng cao su đề nghị ngành chức năng xem xét cho tôi giữ lại cao su.”*

Như vậy, ông Ph đã được vận động trồng rừng từ năm 1991, ông đã thực hiện trồng rừng diện tích 3,2ha, còn lại 1,6 ha đang trồng cao su.

[2.3]. Về yêu cầu kháng cáo của ông Ph, thấy rằng:

Tại Điều 136 của Luật Đất đai năm 2013 quy định về đất rừng phòng hộ như sau:

"1. Nhà nước giao đất rừng phòng hộ cho tổ chức quản lý rừng phòng hộ để quản lý, bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng rừng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, được kết hợp sử

dụng đất vào mục đích khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

2. Tổ chức quản lý rừng phòng hộ giao khoán đất rừng phòng hộ cho hộ gia đình, cá nhân đang sinh sống tại đó để bảo vệ, phát triển rừng; Ủy ban nhân dân cấp huyện giao đất ở, đất sản xuất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đó sử dụng."

Từ những quy định trên, không có căn cứ để công nhận quyền sử dụng đất cho ông Ph đối với diện tích 1,6ha vì đây là đất rừng phòng hộ. Do ông Ph đã vi phạm về mục đích sử dụng đất trồng rừng, đã có văn bản cam kết của ông Ph là từ ngày 28/3/2018 đến hết ngày 15/4/2018 nhưng ông không thực hiện. Do đó, việc người bị kiện ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, buộc ông Ph trả lại đất đã lấn, chiếm có diện tích 1,6ha tại lô 63 khoảnh 1 tiểu khu 61 cho Ban quản lý Khu rừng phòng hộ D là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật.

[3]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Văn Ph phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, ông Trần Văn Ph sinh năm 1956 nên thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 của Luật người cao tuổi năm 2009. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Ph được miễn nộp tiền án phí Tòa án.

[4]. Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Áp dụng Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Văn Ph. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2020/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Tuyên xử:

1/. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là ông Trần Văn Ph về việc yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 4150/QĐ-KPHQ ngày 12/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện T1, tỉnh Tây Ninh; hủy Quyết định số 5465/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện T1, tỉnh Tây Ninh; hủy Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh; hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phôi BM 189091 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp cho Ban quản lý Khu rừng phòng hộ D đứng tên; yêu cầu công nhận diện tích đất 1,6ha thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Ph.

2/. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn Ph về việc hủy các quyết định thay đổi, bổ sung của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 và Chủ tịch Ủy ban

nhân dân tỉnh Tây Ninh, gồm: Quyết định số 1563/QĐ-SĐBSHB ngày 29/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện T1 sửa đổi, bổ sung một phần Quyết định 4150/QĐ-KPHQ ngày 12/10/2018 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Văn Ph; Quyết định số 2362/QĐ-SĐBSCCXP ngày 20/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc sửa đổi, bổ sung một phần Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Văn Ph; Quyết định số 2367/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc bổ sung nội dung Quyết định giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Văn Ph (lần đầu); Quyết định 1454/QĐ-UBND ngày 08/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh về việc bổ sung nội dung Quyết định giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Văn Ph (lần 2); Quyết định số 3060/QĐ-SĐBSHB ngày 12/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc sửa đổi một phần Quyết định về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Văn Ph (lần 2); Quyết định số 3065/QĐ-SĐBSCCXP ngày 12/8/2022 sửa đổi một phần Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Văn Ph (lần 2).

3/. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Văn Ph được miễn.

4/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Công Mười

Lê Thành Văn

Chung Văn Kết